

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/DS-ST
Ngày: 27-11-2018
V/v Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh P;

Ông Trần Văn H;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo N là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim C - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Quang T, Luật sư của Văn phòng Luật sư Chính nghĩa thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cư trú: Số 40, đường Đ, khóm H, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tấn T, sinh năm 1976, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956, chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2018).

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1957 (Có đơn xin vắng mặt);
- 3.2. Chị Phạm Thị Bé G, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt);
- 3.3. Anh Phạm Thành T, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt);
- 3.4. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995 (Có đơn xin vắng mặt);
- Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.
- 3.5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (Có đơn xin vắng mặt);
- 3.6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959 (Có đơn xin vắng mặt);
- 3.7. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt);
- 3.8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt);
- 3.9. Cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 15/5/2011 (Có đơn xin vắng mặt);
- Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị Kim T: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (cha ruột);
- 3.10. Ông Võ Văn L, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt);
- 3.11. Bà Phạm Thị G, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt);
- 3.12. Anh Võ Văn E, sinh năm 1996 (Có đơn xin vắng mặt);
- 3.13. Cháu Võ Vũ L, sinh ngày 26/3/2003 (Có đơn xin vắng mặt);
- Người đại diện theo pháp luật của cháu Võ Vũ L: Ông Võ Văn L, sinh năm 1965 (cha ruột);
- 3.14. Chị Trần Thị Mai H, sinh năm 1998 (Có đơn xin vắng mặt);
- Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Phạm Văn Đ, Luật sư Ngô Quang T, ông Nguyễn Văn L có mặt tại phiên tòa. Bà Phạm Thị T, chị Phạm Thị Bé G, anh Phạm Thành T, chị Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Kim T, ông Võ Văn L, bà Phạm Thị G, anh Võ Văn E, cháu Võ Vũ L, chị Trần Thị Mai H đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày: Đất của ông có diện tích 16.669m², tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc là do ông được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào khoảng năm 1992 và được cấp đổi giấy lại vào ngày 26/4/2013 tại thửa đất số 267, tờ bản đồ số 01.

Trước đây, do không có đường nước nên phải dẫn qua phần đất ông để phục vụ cho bà con ở Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng

Tháp, do đường nước nhỏ hẹp nên bà con có hỏi ông để mở rộng thêm ngang 0,5m, dài khoảng 254m.

Vào năm 2005, Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L đi vào hoạt động và mở rộng đường nước chiếm thêm diện tích là ngang 2,5m và dài 255,2m, tổng diện tích bị chiếm dụng khoảng 638m², việc hợp tác xã không thông qua ông mà sử dụng làm dịch vụ kinh doanh thu lợi nhuận, riêng gia đình ông thì bị thiệt hại mất đi diện tích đất không thể sản xuất để phục vụ cho gia đình.

Từ khi Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L đi vào hoạt động không trả cho gia đình ông khoản tiền nào, trong khi hợp tác xã kinh doanh đường nước tưới tiêu cho nông dân có lợi nhuận, ông có khiếu nại nhưng Hợp tác xã không giải quyết việc Hợp tác xã đã chiếm dụng đất của ông.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2018, ông yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông ngang 3m, dài 255,2m bằng 765,6m², thuộc thửa đất số 267, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp với giá 80.000đồng/m², thành tiền là 61.248.000đồng (Sáu mươi một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Nhưng theo thẩm định tại chỗ thì phần đất đang tranh chấp là 495m² nên ông rút một phần yêu cầu khởi kiện là ông yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T, thị xã N trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông diện tích 495m² với giá là 50.000đồng/m² bằng 24.750.000đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trước đây, ông có trình bày nếu phần đất đang tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông thì ông tự nguyện rút đơn khởi kiện nhưng nay ông không thống nhất rút đơn khởi kiện mà vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện ban đầu vì diện tích đất thực tế ông sử dụng ít hơn diện tích đất ông được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nếu như yêu cầu của ông không được Tòa án chấp nhận thì ông không có yêu cầu, không có tranh chấp gì với hộ của ông Võ Văn L và hộ ông Nguyễn Văn T.

- Theo bản khai ngày 11/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Từ năm 1976, Ủy ban nhân dân xã T có chủ trương cấp diện tích đất ngang 30m, dài 100m để làm đất thổ cư cho các hộ dân không có đất ở ấp L, xã T, huyện H (nay là thị xã N), tỉnh Đồng Tháp (chỉ có chủ trương chung chứ không có ban hành Quyết định). Đến năm 1986, được sự thống nhất của các hộ dân nơi đó và sự thống nhất của Chi bộ ấp L, xã T mở đường nước dọc theo diện tích này, do các hộ dân nơi đó thống nhất nên chỉ sử dụng đường nước nhằm mục đích công cộng chứ không có trả thành quả lao động hoặc không có trả giá trị đất gì cho các hộ dân nơi đó.

Ông L trực tiếp khai thác đường nước kênh ông D thuộc ấp L, xã T từ năm 1986, đến năm 2003 Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T thành lập ông mới giao lại cho Hợp tác xã quản lý, sử dụng cho đến nay. Trước đó, từ năm 1976 đến năm 1986 thì đường nước thuộc Tập đoàn số 25 quản lý.

Từ khi khai thác sử dụng vào năm 1976 đến năm 1986, đường nước ngang 02m, dài 100m, nằm trong tổng diện tích của các hộ dân canh tác lúa nơi đó là trên 10ha. Sau năm 1986 đến năm 1992, đường nước kéo dài thêm để phục vụ cho các hộ dân canh tác nơi đó, nhưng chiều ngang vẫn giữ nguyên là 02m chứ không có mở rộng thêm.

Vào năm 2003, ông Lợi là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã đến năm 2006 thì ông Lê Tấn T là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã. Từ khi hoạt động đến nay, không có lần nào Hợp tác xã hỏi ông Phạm Văn Đ mở rộng thêm diện tích chiều ngang 0,5m mà chiều ngang của đường nước từ trước đến nay vẫn là 02m, trong quá trình sử dụng có thể bị lở, xói mòn nhưng không đáng kể. Đối với phần đường nước nằm trong phần đất của ông Đ ngang 02m, dài 225,2m cũng không có mở rộng thêm. Nếu hiện trạng thực tế, đường nước lở thêm thì hợp tác xã thống nhất trả giá trị phần đất bị lở cho ông Đ theo giá Nhà nước quy định chứ Hợp tác xã không có lấn chiếm đất của ông Đ nên Hợp tác xã không thống nhất trả giá trị đất diện tích 495m² với giá là 50.000đồng/m² bằng 24.750.000đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo yêu cầu của ông Đ.

Nếu có căn cứ xác định phần đất đang tranh chấp diện tích 495m², thuộc thửa đất số 267, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp là của ông Đ thì Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L tự nguyện thống nhất bồi thường giá trị đất theo yêu cầu của ông Đ là 24.750.000đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hợp tác xã xác định không có yêu cầu, không có tranh chấp gì với hộ ông Nguyễn Văn T và hộ ông Võ Văn L. Nếu trường hợp hộ ông Nguyễn Văn T và hộ ông Võ Văn L có yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L trả giá trị quyền sử dụng đất phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T và hộ ông L thì Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L cũng không thống nhất bồi thường vì đường nước hoạt động ổn định từ trước đến nay.

- Theo bản khai ngày 22/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T, chị Phạm Thị Bé G, anh Phạm Thành T và chị Nguyễn Thị Ngọc H thống nhất trình bày: Bà Phạm Thị T, chị Phạm Thị Bé S, anh Phạm Thành T và chị Nguyễn Thị Ngọc H đều thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ, không có ý kiến bổ sung, không có yêu cầu gì thêm.

- Theo bản khai ngày 25/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T và cháu Nguyễn Thị Kim T (Người đại diện theo pháp luật anh Nguyễn Văn T) thống nhất trình bày: Nếu phần đất đang tranh chấp giữa ông Phạm Văn Đ và Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L có nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn T thì ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T và cháu Nguyễn Thị Kim T không có yêu cầu, không có tranh chấp gì với ông Phạm Văn Đ và Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L trong vụ án này.

- Theo bản khai ngày 05/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L, bà Phạm Thị G, anh Võ Văn E, cháu Võ Vũ L (Người đại diện theo pháp luật ông Võ Văn L) và chị Trần Thị Mai H thống nhất trình bày: Ông Võ Văn L có mua lại một phần đất ruộng tọa lạc tại xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp để canh tác. Phần đất ruộng của ông L tiếp giáp với phần đất ruộng của ông Phạm Văn Đ, thuộc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 01, từ khi ông L mua và canh tác trên phần đất này cho đến nay có vị trí từ mí đường bờ cấp đường nước do Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L đang khai thác trở về phần đất của ông, đường nước này có từ trước khi ông L mua đất và ông L không có đăng ký phần đất đường nước này.

Nếu phần đất đang tranh chấp giữa ông Phạm Văn Đ với Hợp tác xã nông nghiệp số M, ấp L có nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Võ Văn L thì hộ ông L gồm ông Võ Văn L, bà Phạm Thị G, anh Võ Văn E, cháu Võ Vũ L và chị Trần Thị Mai H không có yêu cầu, không có tranh chấp gì với ông Phạm Văn Đ và Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L trong vụ án này.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Đ vì theo công văn số 1268/UBND-HC, ngày 19/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã N thì phần đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Văn Đ nên việc ông Đ yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T trả giá trị đất là không có căn cứ. Ông Võ Văn L, ông Nguyễn Văn T không có yêu cầu, không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập đến.

- Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đất của ông Phạm Văn Đ được cấp diện tích 16.669m² thuộc thửa 627, tờ bản đồ 01. Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T mượn khai thác đường nước ngang 0,5m, dài 225,5m, qua quá trình sử dụng có xói mòn thêm ngang 2,5m. Hợp tác xã hoạt động là có thu lợi nhuận. Công văn của Ủy ban nhân dân thị xã N trả lời đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ

mà cho rằng thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ đúng trình tự, thủ tục là không hợp lý vì đất ông Đ được cấp 16.669m², theo thẩm định tại chỗ thì tổng diện tích đất của ông Đ là 15.652m² vậy thì phần chênh lệch 1.017m² đi về đâu. Ông Võ Văn L, ông Nguyễn Văn T xác định là không có sử dụng đất tranh chấp mà lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích này là không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phạm Thị T, chị Phạm Thị Bé G, anh Phạm Thành T, chị Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Kim T, ông Võ Văn L, bà Phạm Thị G, anh Võ Văn E, anh Võ Vũ L, chị Trần Thị Mai H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tất cả đều có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T trả cho ông giá trị đất diện tích 495m², thuộc thửa đất số 267, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp với giá là 50.000đồng/m² bằng 24.750.000đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Phần đất đường nước đang tranh chấp diện tích 495m² thuộc một phần thửa 263, tờ bản đồ số 01 và một phần thửa 245, tờ bản đồ số 01, đều tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp. Thửa 263, tờ bản đồ số 01 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn L. Thửa 245, tờ bản đồ số 01 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T.

+ Nguồn gốc đất tranh chấp là trước năm 1975 thuộc phần đất kênh ông D, đến năm 1986 được sự thống nhất của các hộ dân và Chi bộ ấp L, xã T mở đường nước dọc theo kênh ông D, do các hộ dân thống nhất (Trong đó có ông Phạm Văn Đ) nên chỉ sử dụng đường nước nhằm mục đích công cộng, ông Nguyễn Văn L trực tiếp khai thác đường nước từ năm 1986 đến năm 2003, khi Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T thành lập vào năm 2003 thì ông Nguyễn Văn L giao đường nước lại cho Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T quản lý, sử dụng cho đến nay.

+ Thời điểm thành lập Hợp tác xã nông nghiệp M ấp L thì ông Phạm Văn Đ có tham dự Đại hội xã viên thành lập Hợp tác xã (Đại hội ngày 25/4/2003) và là thành viên của Hợp tác xã, thống nhất với mọi hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp M ấp L theo chủ trương chung.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Văn Đ được cấp vào ngày 26/4/2013, thời điểm này đường nước kênh ông D đã được Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T quản lý, sử dụng cho nông nghiệp. Theo xác nhận của những người có đất tiếp giáp đường nước như: Ông Nguyễn Văn T, ông Võ Văn L và ông Nguyễn Văn T thì đường nước được thành lập vào năm 1986, lúc thành lập đường nước là được sự thống nhất của các hộ dân với Ban điều hành chính quyền sở tại ấp L, xã T, đường nước có chiều ngang 02m, chiều dài bắt nguồn từ đường nước cái (thuộc đất của ông Võ Văn L) kéo dài đến hết đất của 08 hộ gồm: Ông Võ Văn L, ông Phạm Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S, ông T, ông Nguyễn Văn S. Lúc thành lập Hợp tác xã thì 08 hộ dân trên tự nguyện thống nhất đường nước trên đất ai thì người đó chịu chứ không yêu cầu chính quyền bồi thường thiệt hại gì nên từ đó đến nay cũng không có ai yêu cầu gì đối với chính quyền về việc đường nước nằm trên đất của họ.

+ Theo công văn số 1268/UBND-HC, ngày 19/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án thì:

“1. Phần đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa 263 và thửa 245, tờ bản đồ số 01. Thửa 263 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn L. Thửa 245, tờ bản đồ số 01 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T. Phần đất tranh chấp không nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông Phạm Văn Đ, tại thửa đất số 267, tờ bản đồ 01.

2. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn Đ đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn Đ không đo đạc thực tế, khi xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phát sinh tranh chấp. Thời điểm ông Đ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất vào ngày 26/4/2013 thì kênh ông D đã được Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T quản lý, sử dụng cho nông nghiệp.

3. Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T có chủ trương thành lập vào năm 2003 hiện đang hoạt động đến bây giờ. Phần kênh ông D đã có trước năm 1975, hiện nay Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T quản lý, sử dụng cho nông nghiệp.”

+ Tại phiên tòa, ông Phạm Văn Đ cho rằng do hiện nay thấy Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T hoạt động có thu lợi nhuận cao nên ông mới yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T trả giá trị đất cho ông vì diện tích đất ông đang sử dụng ít hơn so với diện tích đất ông được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Đ không có chứng cứ chứng minh Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T lấn chiếm đất của ông và Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T có mở rộng thêm đường nước để sử dụng lấn vào đất của ông. Đồng thời, tại

phiên tòa, ông Phạm Văn Đ thừa nhận hiện nay phần đường bờ của phần đất ông đang sử dụng giáp với đường nước vẫn còn nhưng nhỏ hơn so với trước. Từ đó xác định phần đất đường nước đang tranh chấp diện tích 495m² không phải là của ông Phạm Văn Đ tại thửa 267, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp mà là của ông Võ Văn L tại một phần thửa 263, tờ bản đồ 01 và của ông Nguyễn Văn T tại một phần thửa 245, tờ bản đồ 01 nên Hội đồng xét xử xét thấy: Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Đ là có căn cứ.

- Ông Võ Văn L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện thống nhất để Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T tiếp tục hoạt động đường nước phục vụ tưới, tiêu cho các hộ dân (Tại bút lục số 139, 140, 143, 144). Hộ ông Võ Văn L và hộ ông Nguyễn Văn T không có yêu cầu, không có tranh chấp gì đối với ông Phạm Văn Đ và Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận vì ông Đ không có chứng cứ chứng minh Hợp tác xã nông nghiệp số M, ấp L, xã T mượn đất của ông Đ để mở đường nước. Phần đất đường nước đang tranh chấp diện tích 495m² là của ông Võ Văn L tại một phần thửa 263, tờ bản đồ 01 và của ông Nguyễn Văn T tại một phần thửa 245, tờ bản đồ 01 chứ không phải là của ông Phạm Văn Đ tại thửa 267, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ không được chấp nhận nên ông Phạm Văn Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp) và chịu toàn bộ chi phí tố tụng (được khấu trừ tiền tạm ứng chi phí đã nộp) theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Đ về việc yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông là 24.750.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T được tiếp tục khai thác, sử dụng phần đất đường nước diện tích 495m² thuộc một phần thửa 263, tờ bản đồ 01 và một phần thửa 245, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp (Theo mảnh trích đo số 114, ngày 02/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã N) để phục vụ tưới, tiêu cho người dân.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

+ Ông Phạm Văn Đ chịu 1.237.500đ (Một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.531.000đ (Một triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05065 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Ông Phạm Văn Đ được nhận lại 293.500đ (Hai trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng).

+ Hợp tác xã nông nghiệp M, ấp L, xã T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn Đ chịu 2.446.000đ (Hai triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng, được khấu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Ông Đ được nhận lại 1.554.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng, ông Đ đã nhận lại xong).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Phương T